

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 27 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thảo

Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 09 đường Phú Hòa, Phường 07, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 208/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. A (tên gọi khác: Tí), sinh ngày 27 tháng 11 năm 1991, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông E (chết) và bà G; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/02/2019 bị Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn số 27/QĐ-UBND với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong quyết định vào ngày 21/5/2019; bị bắt ngày 31/8/2019 (có mặt).

2. A2, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1966, nơi sinh: Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông L (chết) và bà M (chết); có vợ N và con O, sinh năm: 1993; tiền án: Ngày 09/6/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 1087/HSST, bị cáo kháng cáo. Ngày 24/8/1999, Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh ra

Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 1225/HSPT do A2 rút toàn bộ kháng cáo, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/9/2006; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/5/1988 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của nhà nước khác” theo bản án số 222/HSST; bị bắt tạm giam ngày 01/10/2020 (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Chị Ô, sinh năm: 1980

Địa chỉ: đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Chị R, sinh năm: 2000

Địa chỉ: đường S, Phường T, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: khu phố U, phường V, quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Chị T2, sinh năm: 1994

Địa chỉ: khu phố T3, thị trấn T4, huyện T5, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông T6, sinh năm: 1960

Địa chỉ: đường T7, Phường T8, quận T9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/8/2019 (nhằm ngày 01/8/2019 âm lịch), A đi xe đạp đến nhà A2 tại số đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai khai rằng A rủ A2 đi giật cô hồn và A2 đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, A2 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59C2-147.02 chở A đi qua nhiều tuyến đường trên địa bàn quận Tân Bình, khi cả hai đi ngang qua nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh thì A phát hiện thấy trước nhà có để xe máy hiệu Honda Wave biển số 72K1-168.10 của chị R có cắm sẵn chìa khóa xe, không có người trông coi. Thấy vậy, A ra hiệu khêu vào lưng A2 và nói “*Chú dừng xe cho con lấy chiếc xe này*”, lúc này xung quanh không có nhà nào cúng cô hồn. A2 dừng xe trước nhà số A3 A4, Phường A5, quận Tân Bình cách vị trí để xe máy biển số 72K1-168.10 khoảng 03 mét, A xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe quan sát khoảng 03 phút, trong khoảng thời gian này A có đi lại chỗ A2 đứng 03 lần rồi dắt lùi xe xuống đường nô máy và tẩu thoát. Khi chạy xe ngang qua A2, A nói A2 chạy về phía sau

Trường tiểu học Trường Chinh, A2 liền rồ ga chạy đuổi theo. A điều khiển xe chạy trước về quán nước của bà B4 và gửi xe ở đây, sau đó A2 cũng điều khiển xe chạy đến điểm hẹn gặp A. A nhờ A2 chở về nhà A2 để lấy xe đạp của mình, trên đường đi A nói A2 tìm B5 bán chiếc xe vừa trộm được, A2 đồng ý. Sau khi chở A về nhà mình lấy xe đạp, A đi xe đạp về quán nước của bà B4 còn A2 chạy xe đến nhà B5 hỏi có mua xe máy không, B5 đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng và đã trả tiền cho A2. Sau khi nhận tiền, A2 chở B5 đến quán nước gặp A để lấy xe. Tại đây A giao xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 72K1-168.10 cho B5, sau đó A2 và A rủ nhau đi ăn uống, A2 đưa lại 1.500.000 đồng tiền bán xe cho A, A chia cho A2 500.000 đồng, A giữ lại 500.000 đồng còn 500.000 đồng cả hai trả tiền ăn uống hết.

Ngoài ra, vào khoảng 09 giờ ngày 06/02/2019, A đi bộ ngang qua nhà số C2 C3, Phường C4, quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện xe Honda Wave biển số 54N5-1692 của chị Ô để trước cửa nhà, có cắm sẵn chìa khóa xe, không có người trông coi nên đã lấy trộm chiếc xe. Sau khi lấy được xe, A chạy xe đến ngã tư Bảy Hiền gặp A2 và bán lại chiếc xe trên cho A2 với giá 2.000.000 đồng. Tại đây A nói với A2 *“Chú có lấy xe để đi chạy xe ôm không, xe con mới lấy”*, A2 biết chiếc xe này do A mới trộm cắp nhưng vì thấy A bán xe rẻ nên A2 vẫn đồng ý mua. A cho lại A2 500.000 đồng, số tiền bán xe được A tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình sử dụng xe, A2 đã thay biển số xe 59C2-147.02 gắn vào xe máy Honda Wave sử dụng nhằm tránh bị phát hiện cho đến khi bị Công an mời lên làm việc, A2 đã giao nộp xe cho Công an.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu. Riêng A2 không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản cùng với A vào ngày 30/8/2019. A2 khai khoảng hơn 17 giờ ngày 30/8/2019, A đi xe đạp đến nhà A2 tại số đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để rủ A2 đi giật đồ cúng cô hồn thì A2 đồng ý. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, A2 sử dụng xe máy Honda Wave, biển số 59C2-147.02 của A2 chở A đi lòng vòng. Khi cả hai đi ngang qua nhà số D1, Phường D2, quận D3 thì A bấm ngón tay vào lưng A2, A2 tưởng A định giật cô hồn nên dừng lại. A2 chạy xe qua nhà 74 Võ Thành Trang dừng xe tại trước số 72 Võ Thành Trang, Phường 11, quận Tân Bình, A đi bộ ra sau lưng A2, A2 không quay nhìn lại. Khoảng 03 phút sau, A2 thấy A chạy chiếc xe Honda Wave 72K1-168.10 vượt qua trước mặt A2, A2 nghĩ chiếc xe này là của người quen A, A2 hỏi đi đâu thì A nói chạy về sau Trường tiểu học Trường Chinh. A2 chạy tới thì thấy A đã đứng ở quán nước, không thấy xe đâu. A nhờ A2 chở về nhà A2 để lấy xe đạp, trên đường đi A nói với A2 *“Hỏi ông B5 có lấy xe máy không, để cho ông mấy trăm cũng được”*, sau đó A vào nhà A2 lấy xe đạp còn A2 chạy xe máy đến nhà B5 hỏi B5 có mua xe không. B5 đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng rồi đưa cho A2 số tiền trên. A2 chở B5 đến phía sau Trường tiểu học Trường Chinh gặp A, khi đến nơi A dắt chiếc xe lúc nãy A chạy ra cho ông B5, sau đó A dùng xe máy này chở ông B5 về nhà, còn A2 cũng về nhà mình. Một lát sau A rủ A2 đi nhậu, A2 đưa cho A tiền bán xe là 1.500.000 đồng, A cho A2 500.000 đồng, trả tiền ăn uống hết 500.000 đồng, sau đó ai về nhà nấy.

Ngoài ra, A2 còn khai nhận: Vào ngày 06/02/2019, A có chạy chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 54N5-1692 đến gặp A2. Khi gặp A có nói “*Chú có mua chiếc xe này không, xe con mới lấy*” và A2 đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, A2 biết nguồn gốc chiếc xe này A mới trộm cắp hay lừa đảo của người khác mà có nhưng vì thấy A bán xe rẻ nên A2 vẫn đồng ý mua để làm phương tiện chạy xe ôm, lý do A2 đổi biển số xe là do trong quá trình sử dụng thì biển số 54N5-1692 bị rút mất nên người quen cùng chạy xe ôm cho A2 biển số 59C2-147.02 gắn vào xe sử dụng, khi trả tiền A cho lại A2 500.000 đồng.

* Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) bộ quần áo của A mặc khi trộm cắp xe máy tại số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 (một) bộ quần áo, 01 (một) đôi dép, 01 (một) nón bảo hiểm A2 mặc khi chở A đi trộm cắp xe máy tại nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 (một) USB ghi nhận hình ảnh A trộm cắp xe máy tại trước số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 (một) biển số 59C2-147.02.

Theo Kết luận định giá tài sản số 247/HĐĐGTS-TTHS ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) xe gắn máy 02 bánh hiệu Honda Wave S (Việt Nam), màu đen - xám, biển số: 54N5-1692, số máy: 43E-1355434, số khung: AY-117478 có giá trị 8.000.000đ (Tám triệu) đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 284/HĐĐGTS-TTHS ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) xe gắn máy 02 bánh hiệu Honda Wave S (Việt Nam), màu bạc - xám - đen, biển số: 72K1-168.10, số máy: C52E-4494316, số khung: 5218CY323782 có giá trị 10.000.000đ (Mười triệu) đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 20/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Kháng nghị số 10/QĐ-VKS-P7 đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 259/2020/HS-PT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-VKS-P7 ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố, xét xử lại theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo A2 về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 30/8/2019, A và A2 đã có hành vi lén lút lấy trộm xe gắn máy biển số hiệu Honda Wave, biển số 72K1-168.10 tại trước nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh của T2, xe gắn máy trị giá 10.000.000 đồng. Mặc dù A2 không thừa nhận hành vi cùng A trộm cắp xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 72K1-168.10 và cũng không thừa nhận việc đi tìm người bán chiếc xe trên mà chỉ làm theo yêu cầu của A đến nhà ông B5 nói bán chiếc xe của A giá 1.500.000 đồng và ông B5 đồng ý mua. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của A phù hợp với hành vi khách quan của A2 đủ căn cứ xác định A2 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho A. Ngoài ra, vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 06/02/2019, A còn lấy trộm chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 54N5-1692 của chị Ô tại trước nhà số C2 C3, Phường C4, quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 8.000.000 đồng, sau đó bán xe vừa trộm được cho A2, A2 biết rõ chiếc xe này do A trộm cắp mà có. Hành vi của A và A2 đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của A2 đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với A về tội trộm cắp tài sản và A2 về tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo A bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo A2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo A thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo A2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và thành khẩn khai báo (tình tiết thành khẩn khai báo áp dụng đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có) quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ

sung năm 2017, xử phạt bị cáo A từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo A2 từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội trộm cắp tài sản và từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì.

* Bị cáo tự bào chữa:

Bị cáo A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo A2 không nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, truy tố bị cáo A2 về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo cho rằng bị cáo không cùng với A trộm cắp chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số: 72K1-168.10 tại trước nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh, A2 không biết chiếc xe máy trên do A trộm cắp mà có, việc A2 tìm ông B5 mua xe máy biển số: 72K1-168.10 là do A nhờ, số tiền 500.000 đồng mà A2 được A cho sau khi bán xe là do bình thường A2 và A hay cho nhau chứ không phải chia tiền bán xe. Về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát về hành vi này.

* Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo A: Nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, bị cáo hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo A2: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận Tân Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài và sử dụng ma

túy nên vào khoảng 18 giờ ngày 30/8/2020, A và A2 lợi dụng việc sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp trong việc quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 72K1-168.10 của chị R trị giá 10.000.000đ (Mười triệu) đồng. Mặc dù, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa A2 không thừa nhận cùng A chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 72K1-168.10 và cho rằng bị truy tố và xét xử oan nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là lời khai của A, trích xuất camera ghi lại tại hiện trường vụ án, biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ hiện trường ghi nhận tại trước cửa hàng đồ si hàng hiệu “BAT”, số số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh có duy nhất chiếc xe gắn máy biển số 72K1-168.10 dựng tại vị trí tiếp giáp nhà số 72 Võ Thành Trang, đầu xe hướng vào trong nhà, đuôi xe tiếp giáp với bảng quảng cáo. A2 dừng xe tại vị trí cột điện trước nhà số 72 Võ Thành Trang, cách vị trí dựng xe biển số 72K1-168.10 khoảng 2,78m. Sau khi A xuống xe đã di chuyển, quan sát xung quanh khu vực dựng chiếc xe gắn máy biển số 72K1-168.10 thời gian khoảng 04 phút trước khi lấy xe. Trong khoảng thời gian này, A 03 lần quay lại vị trí A2 đang đứng đợi và nói chuyện. Ngay sau khi A lấy được xe liền rồ ga rất nhanh để tẩu thoát, A2 cũng ngay lập tức đuổi theo. Sau khi lấy được xe, cả hai hẹn nhau đến quán nước phía sau Trường tiểu học Trường Chinh để gửi xe máy biển số 72K1-168.10, sau đó chính A2 là người trực tiếp tìm người để bán xe, trực tiếp nhận tiền bán xe từ B5 sau đó chia lại cho A. Xuyên suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, A đều khai khi phát hiện tài sản sơ hở đã nói với A2 “*Chú dừng xe để con lấy cái xe này*”, A khẳng định ý thức A2 biết rõ là dừng xe để A lấy trộm xe. Nhận thấy lời khai của A phù hợp với hành vi khách quan của A2 khi cùng tham gia với A trong suốt quá trình thực hiện lấy trộm tài sản, trực tiếp bán tài sản trộm được và cùng hưởng lợi ngang nhau đối với số tiền bán xe. Lời khai của A2 cho rằng được A rủ đi giật cô hồn là không phù hợp với thực tế vì ngày 30/8/2019 dương lịch tương ứng với ngày 01/8/2019 âm lịch, không phải là ngày cúng cô hồn. Bản ảnh thực nghiệm điều tra (BL221-227) thể hiện vị trí A2 dừng xe và vị trí dựng chiếc xe máy biển số 72K1-168.10 tuy có ngăn cách bởi một bảng hiệu quảng cáo trên vỉa hè nhưng tại vị trí A2 đứng không che khuất tầm nhìn, vẫn quan sát được chiếc xe máy biển số 72K1-168.10. Ngoài ra, A2 cho rằng xe A lấy là mượn của người quen A nhưng ngay sau đó cũng chính A2 là người đi bán chiếc xe này, cho thấy lời khai của A2 có mâu thuẫn và không khách quan nên có đủ căn cứ xác định A2 đồng phạm với A.

Ngoài ra, vào khoảng 09 giờ ngày 06/02/2019, A còn lén lút chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 54N5-1692 của chị Ô, sau đó A bán lại chiếc xe trên cho A2. Tuy A2 không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 54N5-1692 là do A phạm tội mà có, A2 vẫn thực hiện hành vi mua bán chiếc xe này. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá tài sản chiếc xe trên là 8.000.000đ (Tám triệu) đồng. Với các hành vi trên các bị cáo A và A2 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều

173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo A2 đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền để tiêu xài và sử dụng ma túy nên các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng để bảo đảm đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, tạo điều kiện có các bị

[4] Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do bị cáo A2 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra xử lý người phạm tội. Bị cáo biết rõ tài sản có nguồn gốc không hợp pháp nhưng do háms lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản, vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng để bảo đảm đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong bị cáo A với vai trò là người chủ mưu, rủ rê việc thực hiện tội phạm vừa là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên bị cáo giữ vai trò chính. Đối với bị cáo A2 đóng vai trò là người giúp sức tích cực dùng phương tiện chở A, đồng thời cảnh giới cho A thực hiện tội phạm, sau khi chiếm đoạt được tài sản A2 là người trực tiếp đi tiêu thụ tài sản. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức độ tham gia của từng bị cáo để xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm để quyết định mức hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo A nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, trong đó mỗi lần cách nhau khoảng một thời gian nhất định, đều xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể, mỗi lần thực hiện hành vi chiếm đoạt đều đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A2 trước đây bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 1087/HSST ngày 09/6/1999, bị cáo kháng cáo. Ngày 24/8/1999, Tòa phúc

thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 1225/HSPT do bị cáo rút toàn bộ kháng cáo, sau khi chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/9/2006, đến nay bị cáo chưa chấp hành xong các quyết định khác của bản án về án phí và hình phạt bổ sung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo không thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo A tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do A2 thực hiện: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp hoặc là lao động tự do với mức thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) bộ quần áo của A; 01 (một) bộ quần áo, 01 (một) đôi dép, 01 (một) nón bảo hiểm của A2. Tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) USB chứa dữ liệu camera ghi lại hình ảnh A và A2 chiếm đoạt chiếc xe máy biển số 72K1-168.10 tại trước nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là chứng cứ được dùng làm căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo, vì vậy cần phải giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) biển số xe 59C2-147.02. Theo kết luận giám định số 1864/KLGD-TT ngày 08/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận không đủ cơ sở kết luận biển số 59C2-147.02 là thật hay giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Ô và chị R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị hại đã nhận lại tài sản, về phần dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông B5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn) đồng ông B5 trả cho bị cáo A2 khi mua chiếc xe gắn máy biển số 72K1-168.10, ông B5 không yêu cầu các bị cáo trả lại. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc các bị cáo hoàn trả lại số tiền này cho ông B5.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức án đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Đối với B4 khi nhận giữ chiếc xe gắn máy biển số 72K1-168.10 thì Hoan không biết chiếc xe này do A chiếm đoạt của người khác mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Hoan về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

[12] Đối với B5 là người mua chiếc xe gắn máy biển số 72K1-168.10 từ các bị cáo, do không biết chiếc xe này A2 và A chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình không xử lý B5 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[13] Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

[14] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2019.

2. Tuyên bố: Bị cáo A2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có).

Xử phạt bị cáo A2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo A2 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2020.

3. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ quần áo của A; 01 (một) bộ quần áo, 01 (một) đôi dép, 01 (một) nón bảo hiểm của A2 và 01 (một) biển số xe 59C2-147.02.

Giao 01 (một) USB chứa dữ liệu camera ghi lại hình ảnh A và A2 chiếm đoạt chiếc xe máy biển số 72K1-168.10 tại trước nhà số D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 132 ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Phiếu nhập kho vật chứng số 200/PNK ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo A và A2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Chính